

Bản án số:21/2018/HSST

Ngày: 29/5/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Đình Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông: Trần Duy Năm

- Ông Ngô Văn Dương

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T - Thanh hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Phạm Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2018 tại Tòa án nhân dân Huyện T tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 17/2018/HSST ngày 19/4/2018 đối với bị cáo:

Vũ Văn P sinh năm 1992

Trú tại: Xóm 1, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hoá

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Vũ Văn T và bà An Thị T; vợ Hà Thị T, có 01 con 6 tuổi; Tiền án, tiền sự: không;

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2018 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

- Anh Lê Văn N, Sinh năm 1984 (vắng mặt)

Trú: Thôn 12, Xã D, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị T. Sinh năm 1997 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, Xã T, Huyện N, Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Thôn C, xã B, huyện N – Thanh Hóa.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lê Minh C. Sinh năm 1963. (vắng mặt)

Trú quán: Khu 6, Thị trấn L, T, Thanh Hóa.

- Chị Lê Thị T. Sinh năm 1984 (Vắng mặt)

Trú tại:, Thôn 12, xã D, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoản 11 giờ ngày 02/02/2017 Vũ Văn P cùng Lê Văn N (ở thôn 12, xã D – T) ngồi chơi tại quán Internet của nhà anh H, đối diện Trường Cao đẳng N (thuộc xã D, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa). Thấy anh N đi xe máy, P nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh N để lấy tiền tiêu xài. P nói với N “ Anh cho mượn xe máy lên D đón bạn gái của em, một lúc em mang về trả”, anh N đồng ý giao chìa khóa xe Jupiter MX màu đỏ BKS 36P7 – 0128 cho P. Nhận được xe, P không đi đón bạn gái mà đi đến nhà nghỉ Hoàng Anh ở thị trấn L, huyện T, thuê phòng và nghỉ tại đó. Đến sáng ngày hôm sau khi P xuống thanh toán tiền phòng nghỉ (tiền phòng nghỉ hết 1.700.000đ) thì không còn tiền, P nói với anh Lê Minh C (chủ nhà nghỉ) để lại xe máy làm tin để về lấy tiền lên trả tiền phòng. Anh C đồng ý. Sau đó P nhắn tin báo cho anh N biết địa điểm và tên nhà nghỉ mà P đang để xe rồi tắt máy điện thoại và bắt xe đi ra tỉnh Bắc Ninh làm ăn và thay số điện thoại để anh N không liên lạc được.

Ngày 13/02/2017 anh Lê Văn N đến Công an huyện T trình báo sự việc trên. Công an huyện T đã tạm giữ chiếc xe Yamaha Jupiter MX biển kiểm soát 36P7- 0128 do anh Lê Minh C, ở khu 6, thị trấn L, huyện T giao nộp.

Ngày 16/02/2017, Hội đồng định giá tài sản huyện T định giá: chiếc xe Yamaha Jupiter MX màu đỏ biển kiểm soát 36P7- 0128 đã qua sử dụng trị giá 13.000.000đ.

Quá trình điều tra xác định chiếc xe Yamaha Jupiter MX màu đỏ biển kiểm soát 36P7- 0128 là của chị Lê Thị T (ở Thôn 12 xã D, Huyện T) là chị dâu anh Lê Văn N cho anh N mượn. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy trên cho chị T, chị T nhận lại xe và không có yêu cầu gì về phần dân sự.

Đối với anh Lê Minh C (chủ nhà nghỉ Hoàng Anh) anh yêu cầu Vũ Văn P phải bồi thường lại cho anh số tiền 1.700.000đ mà P nợ nhà nghỉ.

Ngày 04/01/2018, Vũ Văn P đến Công an huyện T đầu thú khai nhận về hành vi lừa đảo chiếc xe máy của anh Lê Văn N và khai nhận ngoài việc chiếm đoạt chiếc xe máy của anh Lê Văn N, P còn thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt xe máy của người khác cụ thể:

Qua mạng xã hội Zalo, P làm quen với chị Lê Thị T, ở xã T, huyện N – Thanh hóa. Chiều ngày 28/02/2017, P nhắn tin hẹn gặp chị T ở nhà nghỉ Hương Mai gần Quảng trường L, thành phố Thanh hóa, đến khoảng 16 giờ cùng ngày, chị T đi xe máy Honda hiệu Vision màu đen BKS 36K3- 06848 đến nhà nghỉ Hương Mai rồi ở cùng với P tại phòng nghỉ. Đến 21 giờ cùng ngày P rủ chị T về huyện T chơi, chị T đồng ý, P điều khiển xe máy của chị T, chở chị T đến nhà nghỉ V ở xã M, huyện T, thuê phòng ngủ cùng nhau. Thấy chị T đi xe máy, P nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy của chị T bán lấy tiền tiêu xài, ý định của P sẽ lừa chị T về xã D sau đó lấy xe bỏ đi. Đến 8h sáng ngày 01/3/2017 P chở chị T đến đầu cầu xóm 7, xã D - T và nói với chị T “ vào quán nước ngồi

đợi, anh về nhà lấy tiền rồi ta đi chơi”. Tin tưởng P, chị T xuống xe vào quán nước ngồi đợi thì P đi xe lên huyện T, dọc đường đi P mở cốp xe thấy có chứng minh thư nhân dân và đăng ký xe mang tên chị T nên P tiếp tục điều khiển xe đến xã Co Lương, huyện M, tỉnh Hòa Bình và bán cho một người đàn ông không biết tên với giá 13.000.000đ. Một thời gian sau thì anh Nguyễn Xuân C ở thị trấn M, huyện M, tỉnh Hòa Bình mua lại và bán cho anh Tường Văn T ở xã Chiềng Châu, huyện M - Hòa Bình, anh T bán lại xe cho chị Nguyễn Thị L ở Q, T, Hòa Bình. Sau đó chị L bán xe cho người không quen biết nên không thể thu hồi chiếc xe được.

Ngày 02/02/2018 Hội đồng định giá tài sản Huyện T định giá chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Vision màu đen BKS 36K3-06.848 đã qua sử dụng có giá trị 30.000.000đ. Hiện tại do không thu hồi được chiếc xe nên chị Lê Thị T yêu cầu Vũ Văn P phải bồi thường cho chị giá trị chiếc xe mô tô trên.

Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử gia đình bị cáo và chị Lê Thị T đã tự thỏa thuận bồi thường, chị T đã nhận tiền bồi thường về giá trị chiếc xe, không yêu cầu gì thêm về phần dân sự và có đơn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Quá trình điều tra chị T khai còn bị mất 1 điện thoại Iphon5S để trong chiếc xe máy bị P chiếm đoạt, tuy nhiên P khai không biết, không thấy chiếc điện thoại trên do đó không đủ cơ sở xác định P chiếm đoạt chiếc điện thoại Iphon5S của chị T.

Ngoài ra Vũ Văn P còn khai nhận khoảng cuối năm 2016 P có lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Thế N (Thôn 2, Xã H, Huyện T) 1 xe Honda Vision màu đỏ (không rõ biển kiểm soát). Tuy nhiên hiện tại anh N không có mặt tại địa phương nên chưa đủ cơ sở điều tra xác minh. Cơ quan điều tra đã tách hành vi trên của Vũ Văn P ra xử lý bằng 1 vụ việc khác.

Cáo trạng số: 20/CT- VKS ngày 18/04/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố Vũ Văn P về tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 139 BLHS năm 1999.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và đề nghị xử phạt bị cáo P từ 12 tháng đến 15 tháng tù.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 BLHS 1999, Điều 589 Bộ luật dân sự.

Đề nghị HĐXX buộc Vũ Văn P phải bồi thường cho anh Lê Minh C 1.700.000đ tiền P thuê phòng nghỉ

Bị cáo đã bồi thường giá trị chiếc xe cho chị Lê Thị T, chị T không yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

- Tại phiên tòa bị cáo nhận tội và không có ý kiến tranh luận với Kiểm sát viên, lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an Huyện T, Viện kiểm sát nhân dân Huyện T, Kiểm sát viên VKSND Huyện T trong quá trình điều tra, truy tố đều thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo Vũ Văn P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình:

Ngày 02/02/2017 tại Xã D, Huyện T, Tỉnh Thanh Hóa, do muốn chiếm đoạt chiếc xe mô tô BKS 36P7-0128 (trị giá 13.000.000đ) của anh Lê Văn N bán lấy tiền tiêu xài, Vũ Văn P đã dùng thủ đoạn gian dối lừa dối anh N là mượn xe đi đón bạn gái, sau đó P đi thẳng xe lên Nhà nghỉ Hoàng Anh ở thị trấn L, T nghỉ ở đó. Do không có tiền thanh toán tiền thuê nhà nghỉ 1.700.000đ, P đã để lại chiếc xe trên làm tin cho anh Lê Minh C (chủ nhà nghỉ) nhưng sau đó P đã không đem tiền lên trả cho anh C và không quay lại lấy xe mà gọi điện báo cho N lên lấy xe ở nhà nghỉ.

Đến ngày 01/3/2018 tại Xã D, Huyện T, Vũ Văn P dùng thủ đoạn gian dối lừa dối chị Lê Thị T là mượn xe mô tô của chị T về nhà lấy tiền. Chị T tưởng thật nên đồng ý cho P mượn xe Honda Vision màu đen BKS 36K3-06.848(trị giá 30.000.000đ) Sau đó P đi xe lên xã Co Lương, huyện M, Hòa Bình bán cho 1 người không quen biết được 13.000.000đ, P sử dụng hết.

Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng, và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với kết quả xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa.

Quyết định truy tố và lời luận tội của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện T là có căn cứ pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Vũ Văn P phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999.

[3] Tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo

Từ động cơ mục đích tư lợi muốn có tiền tiêu xài, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối, lợi dụng lòng tin của người bị hại để chiếm đoạt tài sản là 2 chiếc xe máy. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến

quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ mà còn ảnh hưởng tới tình hình trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong quần chúng nhân dân. Do đó cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để giáo dục riêng và phòng ngừa chung và cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ đối với bị cáo:

* Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong 1 thời gian ngắn bị cáo đã 2 lần thực hiện hành vi lừa đảo tài sản. Do đó bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng: " Phạm tội nhiều lần" theo điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS 1999.

* Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo. Sau khi phạm tội bỏ trốn bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội, đồng thời tự thú ra hành vi phạm tội đối với chị Lê Thị T, bị cáo đã vận động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho chị T, chị T có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo có ông nội được thưởng huân huy chương trong kháng chiến. Do đó tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo quy định tại điểm b, p, o khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999, giảm cho bị cáo 1 phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo và người bị hại chị Lê Thị T đã tự thỏa thuận bồi thường, chị T không yêu cầu gì khác. Công nhận sự thỏa thuận của các bên về phần dân sự.

Bị cáo phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Lê Minh C 1.700.000đ tiền thuê phòng nghỉ.

Đối với chiếc xe mô tô BKS 36P7-0128 bị cáo chiếm đoạt của anh Lê Văn N, Cơ quan điều tra đã thu hồi trả lại cho chủ sở hữu là chị Lê Thị T (chị dâu anh N). Chị T nhận lại xe và không có yêu cầu về phần dân sự nên không xem xét.

Do bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng phạt tiền bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo Phú phải chịu án phí theo quy định của pháp luật .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố: Vũ Văn P phạm tội “ Lừa đảo chiếm đoạt tài sản ”.

* Áp dụng: khoản 1 Điều 139; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 , Điều 33 BLHS 1999.

Xử phạt: Vũ Văn P 12 (mười hai) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 04/01/2018

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS, Điều 589 BLDS:

Bị cáo và người bị hại Lê Thị T đã tự thỏa thuận bồi thường về dân sự, Công nhận sự thỏa thuận của các bên về phần bồi thường dân sự.

- Buộc bị cáo P phải trả cho anh Lê Minh C số tiền 1.700.000đ tiền thuê phòng nghỉ.

* **Về án phí:** Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, khoản 1 Điều 21 Nghị quyết số 326/2016, ngày 30/12/2016 của UBTVQH: Buộc bị cáo Vũ Văn P phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và 85.000đ án phí dân sự sơ thẩm .

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án . Người bị hại, người liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- CA huyện T;
- bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA – PHIÊN TÒA

Mai Đình Thuận